

Số: /KH-SGD&ĐT

Lào Cai, ngày tháng 12 năm 2022

**KẾ HOẠCH**  
**Chuyển đổi số ngành Giáo dục năm 2023**

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Lào Cai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh giáo dục thông minh, giáo dục STEM, giai đoạn 2021-2025”.

Căn cứ văn bản số 4267/BGDĐT-CNTT ngày 31/8/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2022 - 2023; Kế hoạch số 354/KH-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số trong ngành Giáo dục và Đào tạo Lào Cai giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.

Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành kế hoạch Chuyển đổi số ngành Giáo dục năm 2023 như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích:**

- Cụ thể hóa việc triển khai thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ Chuyển đổi số năm 2023 (Văn bản số 4267/BGDĐT-CNTT ngày 31/8/2022 của Bộ GD&ĐT; Kế hoạch số 354/KH-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh; Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh); làm cơ sở cho các cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục triển khai Chuyển đổi số tại đơn vị.

- Chuyển đổi số là động lực quan trọng để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; góp phần phát triển Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

**2. Yêu cầu**

- Xác định cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong việc triển khai thực hiện Chuyển đổi số; gắn nhiệm vụ triển khai Chuyển đổi số với quá trình thực hiện đẩy mạnh triển khai các hoạt động giáo dục trên môi trường số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy học, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá.

- Việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo tính khoa học, đồng bộ, hiệu quả; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo, việc kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ, chất lượng đối với việc thực hiện các nhiệm vụ; phân công rõ trách nhiệm cho từng thành viên triển khai các nhiệm vụ.

**II. MỤC TIÊU**

Mục tiêu cụ thể 2023 như sau

Stt	Mục tiêu	Hiệu trạng	Mục tiêu năm 2023	Mục tiêu đến năm 2025
<b>1</b>	<b>Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ các cơ sở giáo dục</b>			
1.1	Về quản trị nhà trường			
-	Học sinh, nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh duy nhất, thống nhất trong toàn tỉnh (sử dụng số định danh cá nhân /số thẻ Căn cước công dân)	100%	100%	100%
-	Cơ sở giáo dục có hệ thống lưu trữ dữ liệu riêng và sử dụng dữ liệu trong phân tích thông minh để quản lý, chỉ đạo, điều hành.	0%	40%	100%
-	Cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục được quản lý bằng hồ sơ số	5%	40%	80%
-	Học sinh phổ thông có học bạ điện tử	100%	100%	100%
1.2	Về quản lý giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý toàn ngành giáo dục được thiết lập và vận hành hiệu quả			
-	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành và hệ thống thông tin điều hành, quản lý GD&ĐT, được kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục và các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục	50%	100%	100%
-	Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý giáo dục được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý giáo dục	0%	15%	50%
-	Hồ sơ công việc tại Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật) - Trình duyệt văn bản qua hệ thống phần mềm ioffice.	97%	98%	98%
-	Hồ sơ công việc tại các cơ sở giáo dục được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)		70%	90%
-	Hồ sơ giấy được cắt giảm tại các cơ sở giáo dục.	5%	8%	30%
<b>2</b>	<b>Đổi mới căn bản phương thức, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ người học trong các cơ sở giáo dục</b>			
	Thủ tục hành chính đủ điều kiện áp dụng hình thức trực tuyến được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và tích hợp với dịch vụ công của tỉnh	100%	100%	100%
-	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến đạt tối thiểu 80%	95%	97%	Từ 98% trở lên
-	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80%	90%	97%	Từ 98% trở lên
-	Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục	100%	100%	100%.
-	Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục	100%	100%	100%
-	Cơ sở giáo dục cung cấp dịch vụ thanh toán học phí không dùng tiền mặt	32%	100%	100%
-	Tổng nguồn thu từ người học của các cơ sở giáo dục tại khu vực thành phố/thị trấn/thị xã.		30%	70%
-	Tổng nguồn thu từ người học của các cơ sở giáo dục tại khu vực nông thôn/khó khăn được thanh toán bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt		10%	30%
-	Cơ sở giáo dục triển khai số liên lạc điện tử	24%	40%	100%
-	CBQL, giáo viên có chữ ký số		30%	100%
<b>3</b>	<b>Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học, nâng cao năng lực tự học của người học</b>			

-	Về tiếp cận giáo dục trên môi trường số: số học sinh, giáo viên phổ thông có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trên môi trường số	13% học sinh, 15% giáo viên phổ thông	20% học sinh, 25% giáo viên phổ thông	50% học sinh, 100% giáo viên phổ thông
	Về môi trường giáo dục trên môi trường số: Hình thành kho học liệu trực tuyến cấp tỉnh và thuê nền tảng học trên môi trường số phù hợp, đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông; các khóa học trên môi trường số đáp ứng 30% nhu cầu học tập suốt đời của người dân.			50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông; các khóa học trên môi trường số đáp ứng 30% nhu cầu học tập suốt đời của người dân.
-	Về quy mô hoạt động giáo dục trên môi trường số: + Trường phổ thông có triển khai dạy học trên môi trường số. + Ti trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai trên môi trường số đạt trung bình ở bậc tiểu học, ở bậc trung học		+ 40% + 3% ở bậc tiểu học, 5% ở bậc trung học	+ 80% + 5% ở bậc tiểu học, 10% ở bậc trung học
<b>4</b>	<b>Đổi mới chương trình, nội dung, phương thức giáo dục nhằm đào tạo đội ngũ nhà giáo và người học trở thành công dân số</b>			
-	CBQL, giáo viên, nhân viên được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.		100%	100%
-	CBQL, giáo viên, nhân viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số		50%	50%
-	Đưa nội dung giáo dục kỹ năng số vào trường phổ thông		80%	100%
-	Học sinh phổ thông được học và tiếp cận môn Tin học	100%	100%	100%
-	Trẻ mầm non được tiếp cận giáo dục STEM và CNTT	29%	35%	50%
<b>5</b>	<b>Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng hiện đại, thiết thực và hiệu quả</b>			
-	Trường phổ thông có phòng học Tin học để tổ chức dạy môn Tin học theo chương trình GDPT 2018	100%	100%	100%
-	Trường học có kết nối cáp quang băng thông rộng để nhà giáo và người học được tiếp cận hiệu quả chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và các hoạt động dạy - học trên môi trường số	99.2%	99.8%	100%
-	Các điểm trường có kết nối Internet tốc độ cao cho phép toàn bộ số máy tính trong nhà trường kết nối Internet cùng một lúc.	24%	30%	90%
-	Thí điểm đầu tư phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm thực hành hiện đại ở một số cơ sở giáo dục đủ điều kiện.			
	+ Mô hình lớp học thông minh		2 phòng	6 phòng
	+ Phòng sản xuất học liệu điện tử học trực tuyến,		01 phòng	01 phòng

## II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

**1. Củng cố, nâng cao năng lực hoạt động của Tổ giúp việc Chuyển đổi số:** Thành lập, kiện toàn, bổ sung, điều chỉnh thành phần tham gia Tổ giúp việc Chuyển đổi số các cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục.

**2. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; nâng cao chỉ số phát triển nguồn nhân lực về Chính phủ điện tử.**

- Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đến toàn thể đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học trong ngành giáo dục.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ nhà giáo, học sinh về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tiếp cận chuẩn quốc tế tại một số cơ sở giáo dục có đủ điều

kiện và yêu cầu cao về nhân lực chuyển đổi số. Nội dung bồi dưỡng gắn với nhu cầu thực tiễn về triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong nhà trường, xem xét triển khai tập huấn phù hợp một số nội dung:

+ Kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học trên nền tảng số gồm: triển khai tập huấn phương pháp lớp học đảo ngược, xây dựng học liệu, khai thác các nguồn học liệu, tìm kiếm thông tin trên Internet; kỹ năng sử dụng các phần mềm trình chiếu, phần mềm soạn bài giảng e-learning, soạn câu hỏi trắc nghiệm trực tuyến, phần mềm mô phỏng, thí nghiệm ảo, phần mềm dạy học, khai thác sử dụng các thiết bị công nghệ để đổi mới nội dung, phương pháp dạy học; kỹ năng tổ chức và quản lý các hoạt động dạy học trên nền tảng số.

+ Bồi dưỡng đáp ứng các yêu cầu về năng lực ứng dụng CNTT và chuyển đổi số theo vị trí việc làm của viên chức theo quy định.

- Tổ chức thăm quan học tập kinh nghiệm ở trong và ngoài nước, đang thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM) cho các cấp học, phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm mã nguồn mở, khung năng lực số cho học sinh phổ thông vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số; khuyến khích học sinh tham gia các cuộc thi, sân chơi về lập trình, robot...

- Rà soát, thống nhất kiến trúc các trang thông tin điện tử của tất cả các cơ sở giáo dục, từng bước nâng cấp và bổ sung các dịch vụ để trở thành cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục có kết nối liên thông với cổng thông tin của Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT theo quy định tại Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ GD&ĐT).

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò của ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục và các kết quả ứng dụng CNTT, chuyển đổi số đã đạt được; triển khai các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia vào ngày 10 tháng 10 hàng năm. Hướng dẫn tuyên truyền và triển khai sử dụng kênh truyền thông Chuyển đổi số quốc gia trên Zalo chi tiết theo văn bản 837/STTTT-BCVTCNTT ngày 12/8/2022 của Sở TTTT đính kèm (hoặc Cổng thông tin điện tử Chuyển đổi số Quốc gia <http://dx.gov.vn/>).

## **2. Xây dựng, hoàn thiện và triển khai đồng bộ Nền tảng quản lý thông tin tổng thể ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai**

- Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin tổng thể và cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành GD&ĐT (bao gồm toàn bộ dữ liệu về cơ sở giáo dục từ Mầm non đến THPT; dữ liệu đầy đủ về *cán bộ, công chức, viên chức, người lao động*, học sinh, cơ sở vật chất...; mỗi giáo viên, nhân viên, học sinh sử dụng mã định danh duy nhất là số mã định danh cá nhân hoặc số CCCD; hệ thống cung cấp danh mục dùng chung để tất cả các ứng dụng kết nối, khai thác và trả dữ liệu. Việc xây dựng, hoàn thiện CSDL ngành GD&ĐT phải trên nguyên tắc kế thừa đối với những cơ sở dữ liệu đã hình thành; đồng thời phát triển cơ sở dữ liệu

mới nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành của ngành GD&ĐT theo quy định, quy chuẩn của Bộ GD&ĐT).

+ 100% cơ sở giáo dục sử dụng hiệu quả nền tảng quản lý nhà trường; cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về hồ sơ trường, lớp học, học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất, ứng dụng triển khai hồ sơ điện tử (khuyến khích áp dụng chứng thư số)...thực hiện báo cáo số liệu theo quy định.

Triển khai ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với nhà trường trên nền tảng số (số liên lạc điện tử), khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và website giáo dục.

+ Ban hành quy chế nhằm thực hiện chuẩn hóa quy trình thu thập, lưu trữ, khai thác và đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu. Từng bước ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) trong số hóa, giám sát, quản lý và khai thác các nguồn lực, đối tượng và hoạt động giáo dục trong nhà trường, đảm bảo kết nối thời gian thực với hệ thống thông tin quản trị nhà trường.

+ Xây dựng Kho lưu trữ (Cloud): Lưu trữ toàn bộ cơ sở dữ liệu ngành GD&ĐT, học liệu số, bài giảng số của ngành Giáo dục Lào Cai, ngành Giáo dục cấp huyện, các nhà trường (Bài giảng số, tài liệu phục vụ cho giáo dục được số hóa (có thể lấy từ nguồn khác hoặc do giáo viên tự thiết kế)... qua thẩm định trước khi đưa lên hệ thống để dùng chung trong toàn ngành; hướng dẫn giáo viên tham khảo các học liệu số giới thiệu từ Bộ GD&ĐT (<https://igiaoduc.vn/hoc-lieu-so>).

+ Hệ thống thu thập, hiển thị, phân tích trợ giúp quản lý, chỉ đạo, điều hành và báo cáo giáo dục: Hệ thống kết nối với các phần mềm quản lý ở các cơ sở giáo dục để tự động thu thập thông tin theo thời gian quy định về Kho lưu trữ dữ liệu của Sở GD&ĐT; hệ thống thực hiện, hiển thị các báo cáo, phân tích dựa trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành tới từng đối tượng quản lý để phục vụ, trợ giúp cho các quyết định quản lý, lãnh đạo và hoạt động kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục. Trên cơ sở dữ liệu đã thu thập được, từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo phân tích dữ liệu, đưa ra các báo cáo ở thời điểm bất kỳ, đồng thời hiển thị các đồ thị thực trạng, so sánh cung cấp cho người sử dụng theo phân quyền để phục vụ quản lý, lãnh đạo, tác nghiệp...

+ Hệ thống hồ sơ điện tử, các thủ tục hành chính: Quản lý Học bạ, Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục đối với cấp tiểu học, Sổ theo dõi và đánh giá học sinh đối với cấp trung học, sổ đầu bài, kế hoạch giáo dục bộ môn, ...; thủ tục chuyển trường...

- Triển khai các ứng dụng của Nền tảng quản lý thông tin tổng thể ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai. Các ứng dụng bao gồm:

+ Ứng dụng trong công tác quản lý, quản trị trường học, dạy - học trên môi trường số, thi trực tuyến: Ứng dụng giúp giáo viên đổi mới phương pháp giảng dạy; học sinh chủ động học tập, học mọi nơi, mọi lúc và dữ liệu quá trình học tập của học sinh được thu thập và lưu trữ. Giáo viên và các cơ quan quản lý giáo dục có thể thực hiện các bài thi, kiểm tra trực tuyến với số đông học sinh

được nhanh chóng, thuận lợi phục vụ công tác giảng dạy và quản lý. Ứng dụng cho phép giáo viên khai thác kho dữ liệu dùng chung để tạo các bài giảng và cấp quyền cho học sinh vào học. Quá trình học tập được lưu trữ, thông báo để trợ giúp cho giáo viên quản lý, đôn đốc, nhận xét, đánh giá học sinh (triển khai thí điểm tại các trường THPT; các trường Tiểu học, THCS tại thành phố Lào Cai).

+ Diễn đàn chia sẻ thiết kế, chế tạo thiết bị thực hành và đồ dùng dạy học: Huy động trí tuệ tập thể thông qua chia sẻ sáng kiến thiết kế, chế tạo các bài thí nghiệm, thực hành hoặc đồ dùng dạy học từ các linh kiện, thiết bị có sẵn trong các phòng thí nghiệm hoặc ngoài thị trường để bổ sung các bài thực hành, thí nghiệm, thiết bị dạy học giúp giáo viên trong tình có thể học tập nhau, tự thiết kế, chế tạo đưa vào giảng dạy hoặc tổ chức cho học sinh làm thí nghiệm, thực hành tại các nhà trường nhằm tăng cường học gắn với hành. Diễn đàn lấy dữ liệu dùng chung của CSDL ngành để tổ chức và quản lý việc tham gia trao đổi, chia sẻ của giáo viên được hiệu quả (triển khai thí điểm ở các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học ở cấp THPT).

+ Tuyển sinh đầu cấp: Dịch vụ công giúp phụ huynh và học sinh thuận lợi trong quá trình đăng ký dự tuyển, tra cứu thông tin...; các cơ quan quản lý và các cơ sở giáo dục sử dụng cơ sở dữ liệu để thực hiện các nghiệp vụ chuyên ngành trong tuyển sinh đảm bảo chính xác, công khai, minh bạch đồng thời thực hiện các báo cáo, phân tích, đánh giá sau tuyển sinh.

Đối với tuyển sinh Mầm non: Học sinh được khởi tạo hồ sơ khi đăng ký học ở các trường mầm non trong địa bàn tuyển sinh; sử dụng mã định danh cá nhân làm ID của học sinh.

Đối với tuyển sinh đầu cấp các trường phổ thông: Sử dụng cơ sở dữ liệu của cấp học dưới để thực hiện các nghiệp vụ chuyên ngành trong tuyển sinh (đăng ký, tổ chức thi hoặc xét tuyển, thông báo kết quả...).

+ Kiểm định chất lượng và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia: Triển khai đồng bộ ở tất cả các cơ sở giáo dục, đảm bảo kết nối và liên thông để các cơ quan quản lý giáo dục (Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT) tổng hợp kết quả, báo cáo thống kê, phân tích, đưa ra giải pháp nâng cao chất lượng các cơ sở giáo dục.

+ Hệ thống quản lý văn bằng, chứng chỉ: Quản lý toàn bộ kết quả tốt nghiệp các cấp; các loại văn bằng, chứng chỉ (thông tin người được cấp bằng, số, ngày cấp,...); thống kê, tra cứu...

+ App Giáo dục: Hiện thị, sử dụng các ứng dụng theo phân quyền cho cán bộ, giáo viên và học sinh; kết nối giữa gia đình, xã hội với các cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục trên thiết bị di động thông minh, tích hợp vào App công dân của tỉnh.

- Đổi mới mô hình, quy trình quản lý, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính: Tiếp tục triển khai có hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến trong ngành giáo dục, ưu tiên một số dịch vụ:

+ Dịch vụ đăng ký thi tốt nghiệp trung học phổ thông trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia mức độ 3;

+ Dịch vụ đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào đại học trên Cổng dịch vụ công Quốc gia mức độ 4.

+ Cung cấp giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt theo văn bản số: 483/SGD&ĐT-GDTrH ngày 5/4/2022 của Sở GD&ĐT về triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục.

+ Các trường phối hợp với Bưu điện trên địa bàn triển khai tuyên truyền cho phụ huynh học sinh đăng ký chuyển phát các thủ tục hành chính (TTHC) qua dịch vụ Bưu chính công ích (theo văn bản số 2152/SGD&ĐT-GDTrH, ngày 22/11/2021 về Tuyên truyền sử dụng dịch vụ chuyển phát hồ sơ các thủ tục hành chính qua dịch vụ Bưu chính công ích.

### ***3. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo.***

- Rà soát và có kế hoạch mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị (phòng Tin học, máy chiếu hoặc màn hình thông minh, hệ thống phòng học tương tác thông minh,...) đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, dạy môn Tin học, dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến; đầu tư thí điểm hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm/thực hành (Lab) hiện đại, phòng Lab mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR), công nghệ học máy, công nghệ phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực nghiên cứu, thực hành ở một số trường học đủ điều kiện.

- Đầu tư phòng sản xuất bài giảng số, học liệu số dùng chung cho tất cả các cấp học đặt tại trường THPT Chuyên.

- Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng điện toán đám mây; cung cấp kết nối Internet có tốc độ và thiết bị mạng chuyên dụng có khả năng chịu tải cao đến tất cả các cơ sở giáo dục

- Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT. Thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến và thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân.

- Rà soát, làm sạch mã độc bằng việc sử dụng các công cụ miễn phí trong thời gian triển khai chiến dịch do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức để loại bỏ, xử lý mã độc trên máy tính và các thiết bị thông minh đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân, bằng cách, truy cập địa chỉ: <https://khonggianmang.vn/chiendichmadoc2022> sau đó nhấn vào KIỂM TRA NGAY và xem kết quả.

### ***4. Xây dựng hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy - học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học.***

#### ***a) Đổi mới mô hình dạy - học***

- Tăng cường áp dụng hình thức dạy học trực tuyến theo văn bản số 08/SGD&ĐT-GDTrH ngày 06/5/2021 của Sở GD&ĐT về triển khai Thông tư số 09/2021/TT-BGD&ĐT ngày 30/3/2021 của Bộ GD&ĐT phù hợp với điều kiện, nhu cầu của mỗi nhà trường (Tổ chức lựa chọn giải pháp phần mềm dạy

học trực tuyến phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực hiện của nhà trường; sử dụng tối đa lợi ích phần mềm quản lý học tập (LMS) mang lại, hướng dẫn học sinh tự học, kiểm tra đánh giá và phối hợp với gia đình; có lộ trình kết nối, tích hợp, trao đổi dữ liệu giữa các phần mềm dạy học trực tuyến với nền tảng quản lý nhà trường tại cơ sở giáo dục, giúp học sinh học chủ động hơn và giảm tác động khi đường truyền Internet quá tải).

- Tăng cường tổ chức đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến; từng bước tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá trên máy tính đảm bảo khách quan, công bằng và có độ tin cậy (đối với các môn học phù hợp).

- Triển khai hiệu quả hệ thống thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu, số hóa sách và tài nguyên phục vụ dạy học), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

- Thí điểm triển khai các mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo,...) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của mỗi nhà trường.

#### b) Phát triển kho học liệu số dùng chung

- Phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung cho toàn ngành giáo dục, gồm bài giảng điện tử, bài giảng trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu số khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

#### c) Phát triển, ứng dụng các nền tảng phục vụ dạy - học và triển khai thí điểm mô hình giáo dục số

Phát triển, ứng dụng nền tảng số dạy và học trực tuyến với các tính năng tiên tiến hỗ trợ học tập cá thể hóa và tăng cường trải nghiệm; tăng cường kiểm tra, thi trên máy tính và thi trực tuyến; kết nối nền tảng dạy học trực tuyến với nền tảng quản trị nhà trường và mạng IoT, thiết lập hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục. Hình thành mạng lưới các lớp học ảo liên nền tảng (cross - platform) ứng dụng các công nghệ thực tế ảo biến lớp học ảo thành môi trường ba chiều.

#### d) Xây dựng hệ thống khảo sát, thi trực tuyến

- Xây dựng hệ thống phục vụ công tác tổ chức các đợt khảo sát của các cấp quản lý và của các đơn vị, cơ sở giáo dục với các tiêu chí: minh bạch, khách quan, chính xác, an toàn.

- Tích hợp các tính năng giúp nâng cao hiệu quả khảo sát như: định danh người dùng, giám sát hành vi thực hiện khảo sát dựa trên AI, trình duyệt an toàn, phân tích kết quả khảo sát và báo cáo chi tiết.

### ***5. Huy động các nguồn lực tham gia ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo.***

- Tham mưu các cấp chính quyền ưu tiên nguồn lực đầu tư mua sắm thiết bị dạy học trực tuyến phục vụ nhà trường, giáo viên và học sinh; huy động các nguồn lực xã hội ủng hộ, tài trợ thiết bị dạy học trực tuyến cho học sinh và giáo viên ở những nơi còn khó khăn.

- Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức và hiệp hội về công



nghệ thông tin, các chuyên gia để giới thiệu các giải pháp công nghệ tiên tiến về công nghệ giáo dục và chuyển đổi số áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp sản xuất, phân phối trang thiết bị số để hỗ trợ, ưu đãi cung cấp sản phẩm công nghệ thông tin cơ bản có tích hợp các phần mềm ứng dụng và tính năng an toàn, bảo mật cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học phục vụ hoạt động dạy - học trong các nhà trường.

**III. KINH PHÍ:** Thực hiện theo Kế hoạch số 354/KH-SGD&ĐT ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Giáo dục và Đào tạo**

1.1. Phòng GDTrH: Tham mưu xây dựng kế hoạch chuyển đổi số năm 2023; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chuyển đổi số. Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất Ban chỉ đạo các giải pháp, xu hướng phát triển thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin phù hợp để áp dụng.

Tham mưu phối hợp với các cơ quan chức năng trong bảo đảm an ninh, an toàn cơ sở hạ tầng, hệ thống thông tin, mạng máy tính phục vụ chuyển đổi số.

1.2. Phòng TCCB: Tham mưu xây dựng nguồn nhân lực đảm bảo năng lực chuyên môn thực hiện chuyển đổi số tại các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục; tham mưu chuyển đổi số theo lĩnh vực phụ trách.

1.3. Phòng KHTH: Tham mưu, đề xuất về phân bổ nguồn vốn bảo đảm kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch; tham mưu chuyển đổi số theo lĩnh vực phụ trách.

1.4. Văn phòng: Đầu mối theo dõi, đôn đốc việc thực hiện hồ sơ công việc qua phần mềm ioffice của cơ quan Sở và các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh; cập nhật nội dung trên cổng TTĐT ngành, phát triển Cổng thông tin điện tử ngành GD&ĐT; tham mưu triển khai dịch vụ công trực tuyến, công tác truyền thông và thi đua khen thưởng về thực hiện chuyển đổi số trong ngành.

1.5. Thanh tra Sở: Đưa nội dung chuyển đổi số ngành Giáo dục năm 2023 vào trong các cuộc kiểm tra, thanh tra, chuyên ngành, thường xuyên, đột xuất, đảm bảo thực hiện mục tiêu kế hoạch.

1.6. Các phòng chuyên môn, chức năng khác của Sở: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, tham mưu chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tế ở các cơ sở giáo dục; phối hợp với phòng GDTrH xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chuyển đổi số.

1.7. Tổ giúp việc BCĐ Chuyển đổi số:

- Tham mưu Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số, Giám đốc Sở GD&ĐT: Kế hoạch, nhiệm vụ và giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số ngành Giáo dục năm 2023.

- Tổng hợp, đề xuất triển khai trên diện rộng các kết quả chuyển đổi số có chất lượng, phù hợp trong toàn ngành.

- Tham mưu phối hợp với các cơ quan chức năng trong bảo đảm an ninh, an toàn cơ sở hạ tầng, hệ thống thông tin, mạng máy tính phục vụ chuyển đổi số.

### **2. Phòng GD&ĐT; các đơn vị trực thuộc Sở, các trung tâm GDNN-**

**GDTX**

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các nhiệm vụ trong kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023 (căn cứ điều kiện thực tiễn của từng đơn vị để lựa chọn/đề xuất thực hiện điểm đối với các cơ sở trực thuộc phòng GD&ĐT; các trường THPT, TTGDNN&GDTX: có thể lựa chọn làm điểm từng nội dung).

- Tham mưu, ưu tiên kinh phí cho việc chuyển đổi số của đơn vị.

**3. Chế độ báo cáo:**

- Các đơn vị xây dựng kế hoạch chuyển đổi số năm 2023 và tổng hợp số liệu báo cáo CNTT, chuyển đổi số theo mẫu về Sở GD&ĐT (qua phòng GDTrH) trước ngày 15/01/2023 (*nhập trên file excel trực tuyến gửi về các đơn vị*).

- Tổ chức sơ kết đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số sau khi kết thúc học kỳ 1 và gửi về Sở GD&ĐT (*qua phòng GDTrH để tổng hợp*) trước ngày 30/01/2023.

- Tổ chức đánh giá, tổng kết triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thông kê giáo dục năm học 2022-2023; báo cáo đánh giá gửi về Sở GD&ĐT (qua phòng GDTrH để tổng hợp) trước ngày 25/5/2023.

Sở GD&ĐT yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Cục CNTT- Bộ GD&ĐT (b/c);
- UBND huyện/TX/TP ( p/h);
- Sở TT&TT (p/h);
- Sở Tài chính (p/h);
- Lãnh đạo sở;
- Các phòng của Sở;
- Các phòng GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc Sở; các trung tâm GDNN-GDTX;
- Công TTĐT ngành GD&ĐT;
- Lưu: VT, GDTrH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Minh Thuận**

**PHỤ LỤC**  
**Phân công triển khai các nhiệm vụ Chuyển đổi số năm 2023**  
*(Kèm theo kế hoạch số /KH-SGD&ĐT ngày tháng 12 năm 2022)*

Stt	Mục tiêu	Hiệu trạng	Mục tiêu năm 2023	Mục tiêu đến năm 2025	Phân công nhiệm vụ	Ghi chú
1	Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ các cơ sở giáo dục					
1.1	Về quản trị nhà trường					
-	Học sinh, nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh duy nhất, thống nhất trong toàn tỉnh (sử dụng số định danh cá nhân /số thẻ Căn cước công dân)	100%	100%	100%	Phòng GDTrH chủ trì, các phòng GDMN, GDTH, GDĐH phối hợp	Các cơ sở giáo dục cập nhập số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân trên PM quản lý nhà trường và đồng bộ với CSDL ngành của bộ, CSDLQGVC
-	Cơ sở giáo dục có nền tảng và hệ thống lưu trữ dữ liệu riêng	0%	40%	100%	Phòng GDTrH chủ trì, các phòng GDMN, GDTH, GDĐH phối hợp	
-	Cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục được quản lý bằng hồ sơ số	5%	40%	80%	Phòng GDTrH chủ trì, các phòng GDMN, GDTH, GDĐH phối hợp	
-	Học sinh phổ thông có học bạ điện tử	100%	100%	100%	Phòng GDTrH chủ trì, phòng GDTH, GDĐH phối hợp	
1.2	Về quản lý giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý toàn ngành giáo dục được thiết lập và vận hành hiệu quả					
-	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành và hệ thống thông tin điều hành, quản lý GD&ĐT, được kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục và các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục	50%	100%	100%	- Phòng GDTrH phụ trách chung, chủ trì toàn bộ dữ liệu về cơ sở giáo dục THCS, THPT. - Phòng GD Mầm non chủ trì toàn bộ dữ liệu về cơ sở giáo dục Mầm non. - Phòng GD Tiểu học chủ trì toàn bộ dữ liệu về cơ sở giáo dục Tiểu học. - Phòng GDĐH chủ trì toàn bộ dữ liệu về cơ sở giáo dục thường xuyên. - Phòng KHTH chủ trì toàn bộ dữ liệu về cơ sở vật chất, thiết bị. - Phòng TCCB chủ trì toàn bộ dữ liệu về nhân sự	
-	Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý giáo dục được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý giáo dục	0%	15%	50%	Các phòng của Sở GD&ĐT theo chức năng nhiệm vụ được giao.	

-	Hồ sơ công việc tại Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)	97%	98%	98%	Phòng TCCB chủ trì, văn phòng Sở phối hợp	
	Hồ sơ công việc tại các cơ sở giáo dục được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)		70%	90%	Phòng TCCB chủ trì, văn phòng Sở phối hợp	Triển khai ký số trên phần mềm quản lý văn bản.
-	Hồ sơ giấy được cắt giảm tại các cơ sở giáo dục.	5%	8%	30%	Các phòng của Sở GD&ĐT theo chức năng nhiệm vụ được giao.	
<b>2</b>	<b>Đổi mới căn bản phương thức, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ người học trong các cơ sở giáo dục</b>					
-	Thủ tục hành chính đủ điều kiện áp dụng hình thức trực tuyến được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và tích hợp với dịch vụ công của tỉnh	100%	100%	100%		
-	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến đạt tối thiểu 80%	95%	97%	Từ 98% trở lên		
-	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80%	90%	97%	Từ 98% trở lên		
-	Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục	100%	100%	100%	Văn phòng Sở chủ trì về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân	Người dân đánh giá chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục (VD: Thanh toán không dùng tiền mặt, học trực tuyến,...).
-	Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục	100%	100%	100%		
-	Cơ sở giáo dục cung cấp dịch vụ thanh toán học phí không dùng tiền mặt.	32%	100%	100%		
+	Tổng nguồn thu từ người học của các cơ sở giáo dục tại khu vực thành phố/thị trấn/thị xã		30%	70%	Phòng KHTH chủ trì	
+	Tổng nguồn thu từ người học của các cơ sở giáo dục tại khu vực nông thôn/khó khăn được thanh toán bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt		10%	30%		
-	Cơ sở giáo dục triển khai số liên lạc điện tử	24%	50%	100%	Các phòng GDMN, TH, GDTrH, GDDH chỉ đạo theo cấp học	
-	CBQL, giáo viên có chữ ký số		30%	100%	TCCB chủ trì	
<b>3</b>	<b>Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học, nâng cao năng lực tự học của người học</b>					

-	Về tiếp cận giáo dục trên môi trường số: số học sinh, giáo viên phổ thông có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trên môi trường số	13% học sinh, 15% giáo viên phổ thông	20% học sinh, 25% giáo viên phổ thông	50% học sinh, 100% giáo viên phổ thông	Các phòng KHTH chủ trì; các phòng GDMN, TH, GDTrH, GDĐH chỉ đạo theo cấp học.
-	Về môi trường giáo dục trên môi trường số: + Hình thành kho học liệu trực tuyến cấp tỉnh và thuê nền tảng học trên môi trường số phù hợp, đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông; các khóa học trên môi trường số đáp ứng 30% nhu cầu học tập suốt đời của người dân.			50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông; các khóa học trên môi trường số đáp ứng 30% nhu cầu học tập suốt đời của người dân.	Các phòng GDMN, TH, GDTrH, GDĐH chỉ đạo theo cấp học.
-	Về quy mô hoạt động giáo dục trên môi trường số: + Trường phổ thông có triển khai dạy học trên môi trường số. + Tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai trên môi trường số đạt trung bình ở bậc tiểu học, ở bậc trung học		+ 40% + 3% ở bậc tiểu học, 5% ở bậc trung học	+ 80% + 5% ở bậc tiểu học, 10% ở bậc trung học	Các phòng GDMN, TH, GDTrH, GDĐH chỉ đạo theo cấp học.
<b>4</b>	<b>Đổi mới chương trình, nội dung, phương thức giáo dục nhằm đào tạo đội ngũ nhà giáo và người học trở thành công dân số</b>				
-	CBQL, giáo viên, nhân viên được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.		100%	100%	Các phòng GDMN, TH, GDTrH, GDĐH tham mưu, chỉ đạo
-	CBQL, giáo viên, nhân viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số		50%	50%	Các phòng GDMN, TH, GDTrH, GDĐH tham mưu, chỉ đạo
-	Đưa nội dung giáo dục kỹ năng số vào trường phổ thông		80%	100%	Các phòng TH, GDTrH, GDĐH tham mưu, chỉ đạo
-	Học sinh phổ thông được học và tiếp cận môn Tin học	100%	100%	100%	GDTH, GDTrH chủ trì
-	Trẻ mầm non được tiếp cận giáo dục STEM và CNTT	29%	35%	50%	GDMN chủ trì
<b>5</b>	<b>Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng hiện đại, thiết thực và hiệu quả</b>				
-	Trường phổ thông có phòng học Tin học để tổ chức dạy môn Tin học theo chương trình GDPT 2018	100%	100%	100%	Phòng KHTH chủ trì
-	Trường học có kết nối cáp quang băng thông rộng để nhà giáo và người học được tiếp cận hiệu quả chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và các hoạt động dạy - học trên môi trường số	99.2%	99.8%	100%	Phòng GDTrH chủ trì, các phòng GDMN, TH phối hợp
-	Các điểm trường có kết nối Internet tốc độ cao cho phép toàn bộ số máy tính trong nhà trường kết nối Internet cùng một lúc.	24%	30%	90%	Phòng GDTrH chủ trì, các phòng GDMN, TH phối hợp
-	Thí điểm đầu tư phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm thực hành hiện đại ở một số cơ sở giáo dục đủ điều kiện.				

	+ Mô hình lớp học thông minh		2 phòng	6 phòng	Phòng KHTH chủ trì quy trình đầu tư, các phòng GDTH, GDTrH chủ trì tham mưu danh mục đầu tư	
	+ Phòng sản xuất học liệu điện tử học trực tuyến,		01 phòng	01 phòng	Phòng KHTH chủ trì quy trình đầu tư, GDTrH chủ trì tham mưu danh mục đầu tư	

**Ghi chú:** Các phòng được giao phụ trách thực hiện báo cáo kết quả các chỉ tiêu về phòng GDTrH trước ngày 10/12/2023 để tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Sở.